

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SƯU HUYỀN PHÂN TÊ THÔNG TRÍ PHƯƠNG QUỶ

QUYỂN 2 (Phần 1)

Phẩm 9: PHẬT THĂNG TU DI ĐẢNH (Hội thứ ba)

Bốn môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi, Phật là Hóa chủ, Thăng là tiến lên phía trên, Tu-di là núi Diệu Cao, Đảnh là ở trên cao nhất.

Hỏi: Vì sao từ đây về sau bốn Hội lại thuyết ở cõi trời?

Đáp: Đức hạnh và phần vị thành tựu, trừ chướng được thanh tịnh thù thắng, cho nên thuyết ở cõi trời. Đây là trả lời câu hỏi về phần vị Thập Trụ trước đây.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì tin cho nên hiểu. Đây là bắt đầu phân rõ về ý đưa ra của Hội. Nhưng vì sao đưa ra Hội, Thể của Báo thân đã thành tựu rồi, tiếp theo cần phải phát khởi Hóa thân đến với căn cơ cho nên đưa ra. Vì vậy sơ lược phân tích do giáo phát khởi mà biểu hiện. Nhưng các Hội này không rời xa bốn xứ, tức là biểu hiện từ hạnh thành Thể của Báo thân kiên cố không thay đổi, mà đến các Hội tức là biểu hiện tùy cơ khởi dụng, đây là giải thích dựa theo Thể của tu hành. Nếu hướng về phần sinh ra hiểu biết phát khởi niềm tin, thì hiển bày về hành vị thêm sâu xa mà thôi. Vả lại, trong văn giải thích dựa theo Phật khởi dụng đến với căn cơ để giải thích tức là năng lực của thiện tri thức, nếu dựa theo phần vị... để giải thích thì tức là giải thích dựa theo sự tu hành của mình, có thể suy nghĩ chính xác. Vả lại, Hội này trở xuống bốn Hội sau đều tăng về tướng của phần vị, có phần khác biệt so với Tín hành trước đây, đối với nghĩa của pháp ba Thừa và Nhất thừa cũng cần đan xen qua lại, suy nghĩ chính xác điều này, những Hội còn lại đều chung ý này. Phẩm đưa ra là trước nói về pháp của Tín rồi, tiếp theo

phân rõ hướng đến, sau là nói về nơi dựa vào mà thôi.

3) Tông. Dựa theo Hội phân biệt có hai: Một là dựa theo người, hai là dựa theo pháp. Dựa theo người thì có Hóa chủ và trợ giúp giáo hóa, đều có Thể-Đức-Dụng, chỉ giới hạn ở Hội này. Dựa theo pháp, đó là pháp Thập Giải, về sau sẽ phân rõ. Dựa theo Tông của phẩm, nếu dựa vào lúc Lợi tha hiện rõ nơi chốn và cúng dường, thì chính là hiển bày về duyên của pháp; nếu dựa theo lúc Tự lợi thì đây chính là cơ cảm tương ứng, duyên với cơ thành tựu Thể-Dụng.

4) Phân rõ văn. Hội này có sáu phẩm, phân ba: Hai phẩm đầu trình bày về phương tiện phát khởi, tiếp theo hai phẩm trình bày về tướng của Chánh vị, tiếp theo hai phẩm trình bày về hành tướng sau khi thành tựu đầy đủ. Hai phẩm đầu phân hai: Một là khởi dụng tùy vật, hai từ “Đế Thích dao kiến...” trở xuống phân rõ cơ cảm tương ứng. Văn trước có hai: Một là phân rõ về sự dung thông của y báo-chánh báo, tức là hiển bày Thể thanh tịnh trước đây; hai là tiếp tục hiển bày Dụng thanh tịnh sau này, vốn là tự tại vô ngại thành tựu mọi việc. Các Hội có văn, đều chung cách giải thích này mà thôi, chỉ khác nhau về thắng tiến.

Hỏi: Văn này vì sao không ở sau Hội trước, mà ở trước Hội sau?

Đáp: Nếu ở sau Hội trước thì chỉ hiển bày rõ ràng về nghĩa lợi ích của nói pháp, không hiển bày đối với nghĩa về Thể của dụng giáo hóa sau này, cho nên phân rõ ở trước Hội sau mà thôi. Hội còn lại cũng giống như vậy, vì sao không phân tích ở sau Hội thứ nhất? Bởi vì Hội trước gồm đủ ý nghĩa khác giải thích ở Hội ấy, Hội thứ sáu-bảy-tám sau này cũng hiển bày có riêng ý nghĩa khác mà thôi. Trong Thể có thân-khẩu-ý là ba. Hai từ “Nhĩ thời Thế Tôn...” là làm sáng tỏ về công dụng ứng vật, tức là Dụng thanh tịnh, tướng còn lại có thể biết.

Văn tương ứng thứ hai có năm Tựa:

1. Tựa về trú xứ, bởi vì động tịnh vô ngại không nơi nào không đến, là đức của thuyết pháp này.
2. Tựa về thỉnh Phật.
3. Tựa về quy tụ chúng.
4. Tựa về phát ra ánh sáng.
5. Tựa về ca ngợi.

Nếu gồm chung phẩm Thập Trú sau thì có tám Tựa, đó là nhập định-gia hộ-khuyến khích và xuất định. Vả lại, dựa theo phẩm phân văn cũng được.

Tựa về trú xứ và Tựa về thỉnh Phật có sáu:

1. Thấy Phật đến, là dụng từ thật phát khởi, tức là duyên phát

tâm.

2. Từ “Tức ư Diệu Thắng điện...” trở xuống trình bày Thiên chủ chuẩn bị trang nghiêm cúng dường cho nên thỉnh Phật, hiển bày đầy đủ từ hiểu biết thành tựu hạnh cúng dường pháp, tức là thành tựu căn.

3. Thế Tôn liền nhận lời đi đến cảm cơ giáo hóa.

4. Âm thanh giải thích vắng lặng biểu thị ngừng loạn hợp chân.

5. Từ “Thuyết kệ...” trở xuống biểu thị từ Định phát Tuệ; 6-Từ “Phật thăng tòa...” trở xuống chính thức trình bày về tướng thành tựu của sự giáo hóa.

Văn chuẩn bị trang nghiêm cúng dường phân hai: Một, chuẩn bị trang nghiêm tức là thành tựu căn; hai, thỉnh Phật tức là thành tựu ý muốn. Trong phần chuẩn bị trang nghiêm có ba: Một là tổng quát, hai là chỗ ngồi nghiêm trang, ba là kết luận.

Hai, từ “Nhĩ thời Đế Thích...” trở xuống trình bày về Thiên chủ thỉnh Phật, tức là biểu thị mong muốn.

Năm là văn kệ có ba: Một, nhớ lại Bốn hạnh; hai, kệ ca ngợi; ba, kết luận gồm chung mười phương.

Sáu là trong phần thành tựu giáo hóa có ba: Một là chỗ ngồi, hai là phân rõ về tướng của Dụng, ba là nối thông với phương khác.

Phẩm 10: BỒ TÁT VÂN TẬP

Bốn môn giống như trước.

1. Giải thích tên gọi, Bồ-tát là người, Vân vốn là lợi ích tươi nhuận, Tập là tụ tập. Diệu Thắng... là nơi khác.

2. Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì phân rõ về nơi chốn rồi, tiếp đến trình bày về quy tụ chúng.

3. Quy tụ chúng ca ngợi đức thuận theo pháp làm Tông.

4. Phân rõ văn. Văn này có ba Tựa: Một, quy tụ chúng; hai, phóng ánh sáng, ba, ca ngợi Phật.

Hỏi: Nay từ Hội này về sau ba Hội quy tụ chúng vì sao không ở đầu phẩm, lại vì sao mỗi một phương đều có mười, lại sau khi phóng ánh sáng vì sao không từ từ quy tụ chúng?

Đáp: Bởi vì tướng phần vị của Hội trước chưa thành, chỉ hiển bày về hành viên mãn cho nên nói ở đầu phẩm, nay Hội này hành vị đều thành tựu, cùng làm sáng tỏ lợi ích tươi nhuận của hành vị cho nên cùng ở phẩm này. Sở dĩ mỗi một phương có đủ mười, là muốn hiển bày về tướng hiểu biết rõ ràng viên dung như nhau, một phương tức là tất cả các phương. Sở dĩ Hội này sau khi phóng ánh sáng không từ từ quy tụ chúng, là bởi vì muốn hiển bày về hành vị thành tựu đầy đủ không có tướng thêm bớt. Trong đó có nghĩa thêm bớt riêng, Dụng theo trên thành tựu tức là đạt được, trên dưới thích ứng có thể dựa theo để suy nghĩ. Hội thứ nhất trước đây giải thích về phóng ánh sáng quy tụ chúng cũng dựa theo nghĩa này, đầu làm quy phạm cho sau mà thôi.

Một, trong Tựa về quy tụ chúng có hai:

1) Chỉ ra phương hướng phân rõ về số. Trong này mỗi một phương, hoặc là gồm chung Hội trước, hoặc là không gồm chung Hội trước, Tín hành lại không thành tướng của phần vị, vì vậy không gồm chung, phần vị hiển bày ở ba Hội sau, vốn là nghĩa gồm chung.

2) Từ “Kỳ thế...” trở xuống nêu ra tên gọi mà thôi. Tên gọi có ba: Một là trình bày về Bồ-tát ở cõi Phật mười phương, ba loại thế gian tức là hai; hai từ “Thử chư Phật thần lực...” trở xuống trình bày quy tụ các Bồ-tát có ba là tịnh hạnh-vân tập-y theo phương mà ngôi có thể biết; ba từ “Như thử thế giới...” trở xuống là kết luận tương tự mười phương thành Hội pháp giới. Chư Phật cùng tên gọi là Nguyệt, bởi vì dựa vào mặt trăng tỏa ra ánh sáng, bởi vì trong lành cho nên hiểu về pháp chính xác. Bồ-tát cùng tên gọi là Tuệ, bởi vì bắt đầu của hiểu biết. Ngón chân phóng ánh sáng là bởi vì biểu thị đứng vững ở phần vị Giải không lui

sự, có hai có thể biết. Ba, Tựa về ca ngợi, văn có mười Bồ-tát, cùng sinh khởi theo thứ tự ca ngợi, tướng giải thích rõ ràng có thể biết.

1) Kệ của Pháp Tuệ có hai: Một, trường hàng sinh khởi; hai, chính thức kệ tụng về sau đều dựa theo đó. Văn này có hai: Một, bảy kệ đầu nhắc lại chúng sáng tỏ là do Phật lực mà thành tựu, tức là kết luận về nghĩa của sáu đoạn trong phẩm trước; hai, tiếp theo ba kệ trình bày về người có thắng hạnh thì được gặp Phật, còn lại người không biết gì, tức là ca ngợi chung về khó suy nghĩ trước đây. Kệ của các vị sau đều dựa theo lý thành tựu.

2) Kệ của Nhất Thiết Tuệ có sáu: Một, ba kệ đầu trình bày nói là thấy đồ chúng không thấy Chân Phật; hai, tiếp theo ba kệ hiển bày hiểu về Pháp thân Vô sinh thường thị hiện; ba, tiếp theo một kệ trình bày về chấp trước là sai lầm; bốn, tiếp theo một kệ trình bày về tuệ giải là lợi ích; năm, tiếp theo một kệ trình bày về hiểu rõ nhân duyên thành tựu của Phật tức là lia hết ngu si mê hoặc; sáu, tiếp theo một kệ suy ra công thuộc về Bốn.

3) Kệ của Thắng Tuệ có sáu: Một, ba kệ đầu trình bày về vọng chấp là sai lầm; hai, tiếp theo một kệ trình bày về có hiểu biết là đức; ba, tiếp theo một kệ dựa theo pháp phân rõ về lợi ích quán sát; bốn, tiếp theo ba kệ suy ra công đức thuộc về Phật; năm, tiếp theo một kệ về tuệ có thể thanh tịnh thì thấy Pháp thân; sáu, tiếp theo một kệ suy ra công thuộc về Bốn.

4) Kệ của Công Đức Tuệ có năm: Một, bốn kệ đầu trình bày về mê muội là sai lầm; hai, tiếp theo một kệ nêu rõ phương tiện thù thắng; ba, tiếp theo ba kệ trình bày về đạt được lợi ích của pháp tánh; bốn, tiếp theo một kệ ca ngợi phương tiện lợi ích chúng sinh của Phật; năm, tiếp theo một kệ suy ra công thuộc về Bốn.

5) Kệ của Tinh Tiến Tuệ có ba: Một, một kệ đầu làm sáng tỏ về lỗi lầm; hai, tiếp theo một kệ phân rõ về đức; ba, tiếp theo tám kệ mở rộng phân rõ về tướng đạt được lợi ích từ phương pháp quán sát. Trong văn tám kệ, bốn kệ trước là Vô tướng sinh khởi, bốn kệ sau là tánh chân thật.

6) Kệ của Thiện Tuệ có bốn: Một, hai kệ đầu trình bày có hiểu biết thì có thể độ mình và độ người; hai, tiếp theo năm kệ trình bày về Vô sinh cho nên hợp với Chân tánh; ba, tiếp theo một kệ rưới ca ngợi công năng thù thắng của vị hiểu biết; bốn, tiếp theo một kệ rưới suy ra công thuộc về Bốn.

7) Kệ của Trí Tuệ có ba: Một, một kệ đầu trình bày nhờ vào giáo

thành tựu hiểu biết chính xác; hai, tiếp theo sáu kệ trình bày về mê mờ giáo lý là sai lầm; ba, tiếp theo ba kệ trở lại thành tựu đức của hiểu biết.

8) Kệ của Chân Thật Tuệ có năm: Một, hai kệ đầu so sánh về hơn-kém được-mất; hai, tiếp theo hai kệ phân rõ về cảnh đã quán sát; ba, tiếp theo một kệ nêu ra lợi ích về học hỏi pháp quán; bốn, tiếp theo một kệ giải thích về biết là tên gọi; năm, tiếp theo bốn kệ nêu rõ nghi thức của pháp quán ấy.

9) Kệ của Vô Thượng Tuệ có bốn: Một, một kệ đầu giải thích về tên gọi của người; hai, tiếp theo sáu kệ ca ngợi về Tự lợi; ba, tiếp theo hai kệ ca ngợi về đức Lợi tha; bốn, tiếp theo một kệ suy ra công thuộc về Bốn.

10) Kệ của Kiên Cố Tuệ có bốn: Một, bốn kệ đầu ca ngợi Phật là thật sự quay về; hai, tiếp theo hai kệ nêu ra đức khuyến khích nương tựa; ba, tiếp theo hai kệ dẫn dắt tự quán sát vật để tiến vào; bốn, tiếp theo hai kệ nêu ra người thù thắng hiển bày đức vô tận để khuyến khích nương tựa.
